

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116 /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28/11/2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bá

Ông Nguyễn Hữu Tài

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Nguyễn Mộng Cẩm – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 364/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019, về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Mỹ N**, sinh năm 1999 (Có mặt).

Địa chỉ ấp V, xã T, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

Địa chỉ ấp G, xã T, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai cùng ngày 11/9/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ N trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Đ thành hôn vào năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long ngày 18/01/2018. Thời gian vợ chồng chung sống được hơn 06 năm lúc đầu có hạnh phúc, sau thường phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh Đ thường xuyên đánh đập chị,

cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và vợ chồng đã cắt đứt quan hệ từ tháng 8/2019 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ. Về con chung, vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Kiến D, sinh ngày 03/9/2014 và Nguyễn Quỳnh L, sinh ngày 24/3/2016 hiện đang sống chung với anh Đ. Chị đồng ý để anh Đ tiếp tục nuôi 02 con, chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12/11/2019 bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Mỹ N kết hôn năm 2017, vợ chồng sống chung có 02 con chung như chị N trình bày. Năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể sống được nữa. Hai con chung hiện do anh nuôi dưỡng.

Tại biên bản xác minh ngày 31/10/2019 bà Nguyễn Thị P (mẹ ruột của anh Nguyễn Văn Đ) trình bày: Thời gian vợ chồng chị N anh Đ sống chung thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chị N đi làm thường về trễ, anh Đ ghen tuông có đánh đập chị N nên chị N giận bỏ đi và gửi đơn xin ly hôn. Khi chị N bỏ đi, giao 02 con chung là Nguyễn Kiến D và Nguyễn Quỳnh L cho anh Đ nuôi dưỡng. Do anh Đ sống chung với vợ chồng bà nên vợ chồng bà phụ anh Đ chăm sóc 02 cháu. Hiện tại anh Đ đi làm gửi tiền về cho bà chăm sóc nuôi dưỡng 02 con. Chị N xin ly hôn bà không có ý kiến, bà thống nhất tiếp tục phụ anh Đ chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung của anh Đ, chị N.

Tại phiên Tòa:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ N giữ nguyên ý kiến đã trình bày

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện cơ bản đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn không tham gia các phiên hòa giải, phiên họp công khai chứng cứ và phiên tòa là vi phạm quy định tại các điều 70,72 của Bộ luật tố tụng dân sự

- Về hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5,6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ N. Xử cho chị Nguyễn Thị Mỹ N được ly hôn với Nguyễn Văn Đ.

- Về con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Kiến D, sinh ngày 03/9/2014 và Nguyễn Quỳnh L, sinh ngày 24/3/2016 cho anh Nguyễn Văn Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Mỹ N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền nghĩa vụ thăm nom chăm sóc giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Mỹ N có nghĩa vụ nộp 300.000đ án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai và có văn bản xin vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ N và anh Nguyễn Văn Đ thành hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long ngày 18/01/2018 nên xem đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Quá trình chung sống chị Nguyễn Thị Mỹ N trình bày vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và anh Đ đánh đập chị. Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc anh Đ đánh đập chị N là có thật thể hiện qua lời trình bày của bà Nguyễn Thị P mẹ ruột anh Đ. Mặc khác, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã triệu tập đương sự đến tham gia phiên hòa giải nhiều lần nhằm giúp đỡ chị N, anh Đ đoàn tụ nhưng anh Đ không tham gia các phiên hòa giải. Chứng tỏ, anh Đ không mong muốn vợ chồng đoàn tụ và thống nhất yêu cầu khởi kiện của chị N. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N, anh Đ lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ N là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Giữa chị Nguyễn Thị Mỹ N và anh Nguyễn Văn Đ có 02 con tên Nguyễn Kiến D, sinh ngày 03/9/2014 và Nguyễn Quỳnh L, sinh ngày 24/3/2016 đang sống chung với anh Đ. Chị N đồng ý để hai con tiếp tục sống chung với anh Đ. Hội đồng xét xử nhận thấy: Cháu D và cháu L từ nhỏ sống chung với anh Đ và ông bà nội. Sau khi chị N bỏ đi hai cháu do bà P là mẹ ruột của anh Đ chăm sóc nuôi dưỡng, chị N cũng thừa nhận 02 cháu phát triển bình thường. Để đảm bảo cho việc phát triển bình thường, ổn định cuộc sống của 02 con chung, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Nguyễn Kiến D, sinh ngày 03/9/2014 và Nguyễn Quỳnh L, sinh ngày 24/3/2016 cho anh Nguyễn Văn Đ tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình. Anh Nguyễn Văn Đ là người đang trực tiếp nuôi con nhưng anh Đ không yêu cầu chị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ N và anh Nguyễn Văn Đ không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ N có nghĩa vụ nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4, Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ N.
2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Mỹ N ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.
3. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Kiến D, sinh ngày 03/9/2014 và Nguyễn Quỳnh L, sinh ngày 24/3/2016 cho anh Nguyễn Văn Đ tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị Nguyễn Thị Mỹ N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.
4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ N nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0015647 ngày 13/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, chị N đã nộp đủ.
5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các

Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể ngày tuyên án, riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện ;
- Chi cục Thi hành án huyện;
- Ủy ban nhân dân xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Nga